

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/KDTM-ST  
Ngày 22-8-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê  
tài chính

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

– **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Hứa Thị Phương Hồng
- Bà Trần Thu Thủy

– **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

– **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Phan Mỹ Dung- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST-KDTM ngày 18 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 383/2023/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 317/2023/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty C;

Địa chỉ: Tầng B, cao ốc S, số C đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thu B; là đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền số 202.2023/GUQ-COL ngày 21/4/2023) (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3;

Địa chỉ: đường V, Ấp C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thanh T, sinh năm 1991; địa chỉ: 2 Ấp G, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thanh T, sinh năm 1991;  
Địa chỉ: 2 Ấp G, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2022 và trong quá trình giải quyết, đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu B trình bày:*

Ngày 02/08/2019 Công ty C (sau đây gọi tắt là Công ty C) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 (sau đây gọi tắt là Công ty T3) ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B1908010B1 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê”) về việc Công ty C cho Công ty T3 thuê 01 ô tô tải (thùng kín), hiệu: Isuzu, biển số: 50LD-141.89 (sau đây gọi tắt là “Tài sản thuê”). Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 60 tháng, kể từ ngày 21/10/2019. Lãi suất thuê được áp dụng theo lãi suất thả nổi của Lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC với biên độ 4,02% và được quy định cụ thể tại Thông báo bắt đầu thuê. Việc điều chỉnh lãi hàng tháng sẽ được thể hiện trên Giấy báo thanh toán do Công ty C gửi cho Công ty T3. Hàng tháng số tiền gốc và lãi sẽ được trả theo Thông báo bắt đầu thuê đính kèm lịch trình thanh toán tiền thuê.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty T3, Công ty C và bà Lê Thanh T1 ký Thư bảo lãnh cá nhân vào ngày 02/08/2019.

Để thực hiện Hợp đồng thuê, ngày 17/10/2019, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán số B1908010B1-PC với Công ty Cổ phần Ô để mua tài sản thuê nêu trên với giá là 2.135.000.000 đồng. Công ty T3 trả trước 106.750.000 đồng. Công ty C tài trợ vốn là 2.028.250.000 đồng.

Ngày 18/10/2019, Công ty C và Công ty T3 đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 505454 ngày 18/10/2019. Tuy nhiên, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu đối với tài sản thuê.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty T3 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê, thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty C đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với Công ty T3 để yêu cầu thanh toán. Do đó, vào ngày 30/11/2020, Công ty C đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu Công ty T3 thanh toán tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 03/12/2020 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 2.362.491.229 đồng (Hai tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn hai trăm hai mươi chín đồng).

Ngày 28/05/2021, Công ty C phát hành Thông báo yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu bà Lê Thanh T thanh toán nhưng bà Lê Thanh T vẫn không thanh toán số tiền mà Công ty T3 còn nợ.

Ngày 05/11/2021, Công ty T3 đã tự nguyện bàn giao tài sản thuê là 01 ô tô tải (thùng kín), hiệu Isuzu, biển kiểm soát: 50LD-141.89. Ngày 15/11/2021 các

bên đã thống nhất thanh lý tài sản thuê với giá trị 1.300.000.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty T3 đã thanh toán là 2.183.704.090 đồng, trong đó trả nợ gốc là 1.606.867.477 đồng, nợ lãi trong hạn là 385.644.569 đồng.

Do đó, Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH T3 thanh toán cho Công ty C số tiền thuê mà Công ty TNHH T3 còn nợ (tạm tính đến ngày 22/8/2023) là 770.914.607 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu chín trăm mười bốn ngàn sáu trăm linh bảy đồng) Trong đó bao gồm: Nợ gốc là 421.382.523 đồng; nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 03/12/2020 là 307.807.617 đồng; nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 04/12/2020 đến 22/08/2023 là 41.724.467 đồng.

Buộc Công ty TNHH T3 thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 23/8/2023 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê.

Trường hợp Công ty TNHH T3 không thanh toán được số tiền thuê còn nợ, buộc bà Lê Thanh T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

*Đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thanh T:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng Công ty T3 và bà T vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đều đã được thực hiện đúng quy định nên việc xét xử vắng mặt các đương sự vừa nêu là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên Quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho thuê tài chính; bị đơn có địa chỉ trụ sở chính của công ty tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 03/8/2023 đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu B có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 và bà Lê Thanh T không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế C khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho thuê tài chính tạm tính đến ngày 22/8/2023 là 770.914.607 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu chín trăm mười bốn ngàn sáu trăm linh bảy đồng). Trong đó bao gồm: Nợ gốc là 421.382.523 đồng; nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 03/12/2020 là 307.807.617 đồng; nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 04/12/2020 đến 22/08/2023 là 41.724.467 đồng.

Căn cứ Hợp đồng cho thuê tài chính số B1908010B1 về việc Công ty C cho Công ty T3 thuê 01 ô tô tải (thùng kín), hiệu: Isuzu, biển số: 50LD-141.89. Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 60 tháng, kể từ ngày 21/10/2019. Lãi suất thuê được áp dụng theo lãi suất thả nổi của Lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC với biên độ 4,02% và được quy định cụ thể tại Thông báo bắt đầu thuê. Việc điều chỉnh lãi hàng tháng sẽ được thể hiện trên Giấy báo thanh toán do Công ty C gửi cho Công ty T3. Hàng tháng số tiền gốc và lãi sẽ được trả theo Thông báo bắt đầu thuê đính kèm lịch trình thanh toán tiền thuê trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên được thừa nhận và bảo vệ và là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty T3 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê, thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty C đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với Công ty T3 để yêu cầu thanh toán. Do đó, vào ngày 30/11/2020, Công ty C đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu Công ty T3 thanh toán tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 03/12/2020 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 2.362.491.229 đồng (Hai tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn hai trăm hai mươi chín đồng). Ngày 05/11/2021, Công ty T3 đã tự nguyện bàn giao tài sản thuê là 01 ô tô tải (thùng kín), hiệu Isuzu, biển kiểm soát: 50LD-141.89. Ngày 15/11/2021 các bên đã thống nhất thanh lý tài sản thuê với giá trị 1.300.000.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty T3 đã thanh toán là 2.183.704.090 đồng, trong đó trả nợ gốc là 1.606.867.477 đồng, nợ lãi trong hạn là 385.644.569 đồng thì ngưng không thanh toán nữa là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán. Do đó, việc Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế C khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 trả toàn bộ số nợ còn lại và tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

[3.2] Căn cứ vào Thư bảo lãnh cá nhân ngày 02/8/2019 thì bà Lê Thanh T có thực hiện việc bảo lãnh cho Công ty T3 đối với Hợp đồng cho thuê tài chính số B1908010B1 mà Công ty T3 ký với Công ty C. Nay nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp công ty T3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu bà Lê Thanh T có nghĩa vụ liên đới cùng chịu trách nhiệm với Công ty T3 thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký. Hợp đồng bảo lãnh được ký giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 335, 336, khoản 1 Điều 339 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Theo Công văn số 07676/ĐKKD-T6 ngày 12/12/2022 của Sở kế hoạch đầu tư Thành phố H về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp đối với Công ty TNHH T3: “Thông tin đăng ký doanh nghiệp của công ty TNHH T3 (Mã số doanh nghiệp C1): đính kèm thông tin chi tiết Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08/6/2020. Đến nay, Công ty chưa đăng ký giải thể” và theo kết quả xác minh của Công an xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh: “Đương sự Lê Thanh T, sinh năm 1991 có hộ khẩu thường trú 2/5 Tổ H, ấp G, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và thực tế cư trú tại địa chỉ trên”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty T3 và bà Lê Thanh T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 (BLTTDS) thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do Công ty T3

và bà T không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như Công ty T3 và bà T chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 22/8/2023 là 770.914.607 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu chín trăm mười bốn ngàn sáu trăm linh bảy đồng). Trong đó bao gồm: Nợ gốc là 421.382.523 đồng; nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 03/12/2020 là 307.807.617 đồng; nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 04/12/2020 đến 22/08/2023 là 41.724.467 đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, Điều 335, 336, khoản 1 Điều 339, Điều 342, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế C đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 có nghĩa vụ trả cho Công ty C số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 22/8/2023 là 770.914.607 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu chín trăm mười bốn ngàn sáu trăm linh bảy đồng). Trong đó bao gồm: Nợ gốc là 421.382.523 đồng; nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 03/12/2020 là 307.807.617 đồng; nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 04/12/2020 đến 22/08/2023 là 41.724.467 đồng.

Kể từ ngày 23/8/2023, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo thoả thuận tại “Hợp đồng cho thuê tài chính” số B1908010B1 ngày 02/8/2019.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế C yêu cầu bà Lê Thanh T có nghĩa vụ liên đới cùng chịu trách nhiệm với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo Thư bảo lãnh cá nhân ngày 02/8/2019 mà bà Lê Thanh T đã ký.

### 3. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 34.836.584 đồng (Ba mươi bốn triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng).

H lại cho Công ty C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.853.452 đồng (Mười bảy triệu tám trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0041770 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- CCTHADS huyện Bình Chánh
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Tuyết**